

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2022

*“V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly  
hôn và nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Đô.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Quốc Tiến;

2. Bà Nguyễn Thị Phụng;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm C khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2022 về *“Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Mai Thị C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: KVA, phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Bị đơn:* Trần Châu K, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị C và anh K có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2022 và đơn xin vắng mặt ngày 31/3/2022 chị Mai Thị C là nguyên đơn trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Mai Thị C và anh Trần Châu K tổ chức đám cưới với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 13/6/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tháng 9/2017, chị C về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống xa nhau vợ chồng không ai có ý hàn gắn tình cảm. Nay chị Mai Thị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu ly hôn với anh Trần Châu K.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Châu Phú V, sinh ngày 14/8/2014; con chung đang sống cùng chị C.

Khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Châu Phú V, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Theo đơn xin vắng mặt ngày 21/3/2022, anh Trần Châu K là bị đơn trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh Trần Châu K đồng ý ly hôn với chị Mai Thị C.
- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Châu Phú V, sinh ngày 14/8/2014. Hiện nay, con chung đang sống cùng chị C.

Khi ly hôn, anh K đồng ý giao con chung tên Trần Châu Phú V để chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh K không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:***

1. Giấy chứng nhận kết hôn giữa Trần Châu K và Mai Thị C (bản sao).
2. Giấy khai sinh Trần Châu Phú V (bản sao).

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết. Không có ai phản bác các tài liệu chứng cứ được C khai trong phiên họp.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Mai Thị C có đơn yêu cầu ly hôn với anh Trần Châu K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan

hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn anh Trần Châu K đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Chị Mai Thị C và anh Trần Châu K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh K.

*Về nội dung:*

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh K tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cao Lãnh ngày 13/6/2013 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Chị C yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, chị C và anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Chị C và anh K không còn chung sống với nhau từ năm 2017 nhưng không ai có hành động hay đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục nhau để tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình. Cả hai bên đều có văn bản thống nhất ly hôn.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị C và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị C.

[5] Về nuôi con: Chị C và anh K thống nhất trình bày vợ chồng có 01 con chung Trần Châu Phú V, sinh ngày 14/8/2014. Hiện nay, con chung đang sống cùng chị C.

Khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và được anh K đồng ý. Ngoài ra, cháu V có nguyện vọng tiếp tục sống với chị C. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Châu Phú V sau khi ly hôn là phù hợp về quyền lợi mọi mặt của cháu V theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của chị C.

Anh K không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị C và anh K thống nhất trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị C và anh K thống nhất trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị C.

1.1. Về hôn nhân: Chị Mai Thị C được ly hôn với anh Trần Châu K.

1.2. Về nuôi con và cấp dưỡng: Chị Mai Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Châu Phú V, sinh ngày 14/8/2014. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị C không yêu cầu.

Anh Trần Châu K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được quyền cản trở.

1.3. Về chia tài sản khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007384 ngày 16/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Đô**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Điệp – Trần Văn Bé Hai**

**Trần Văn Đô**